

Quỳ Nhắ, ngày 29 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường
theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT và thông tư 90/2018/TT-BTC
Năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐOẮN KHUỀ

- Căn cứ Điều lệ Trường THCS Ban kèm Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Qui định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào năng lực, nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT và Thông tư số 90/2018/TT-BTC năm học 2024 – 2025 gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách đính kèm)

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo quy định của thông tư 09/2024/TT-BGDĐT và Thông tư số 90/2018/TT-BTC.

Nhiệm vụ của các thành viên do trưởng ban phân công.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN

DANH SÁCH

Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai trong nhà trường

Năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-THCSĐK ngày 29 tháng 01 năm 2026 của
Hiệu trưởng trường THCS Doãn Khuê)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông: Trần Văn Triền	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Ông: Trần Đại Cát	P. Hiệu trưởng	P. Trưởng ban
3	Ông: Vũ Văn Ruyện	P. Hiệu trưởng	P. Trưởng ban
4	Ông: Lê Trọng Sinh	P. Hiệu trưởng	P. Trưởng ban
5	Ông: Trần Văn Nam	P. Hiệu trưởng	P. Trưởng ban
6	Ông: Vũ Nam Thắng	P. Hiệu trưởng	P. Trưởng ban
7	Bà: Nguyễn Thị Xoan	Kế toán	Thành viên
8	Bà: Trần Thị Hương Giang	Giáo viên – Thư ký Hội đồng	Thành viên
9	Bà: Ngô Thị Lan	TT tổ KHTN	Thành viên
10	Bà: Lê Thị Điệp	TT tổ KHXH	Thành viên
11	Bà: Nguyễn Thị Tin	Nhân viên	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người)

Quỹ Nhắ, ngày 02 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 và Thông
tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018
Năm học 2025 - 2026**

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT- BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc
ban hành Qui chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục
quốc dân và thông tư 90/2018/TT- BTC, Trường THCS Doãn Khuê xây dựng Kế hoạch
triển khai thực hiện công khai tại cơ sở giáo dục, năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cán bộ
quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia
giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

2. Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

I. CÔNG KHAI CHUNG

1. Thông tin chung về nhà trường

1.1. Tên trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục,
điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ
sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

1.3. Loại hình của trường, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu;
tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo
dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại
diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ
thư điện tử.

1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép
hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của
cơ sở giáo dục (nếu có);

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh
sách thành viên hội đồng trường;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của nhà trường (nếu có).

1.8. Các văn bản khác của nhà trường: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

2. Thu, chi tài chính

2.1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

2.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

2.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

III. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;
- b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;
- c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

1.2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;
- b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

1.4. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;
- b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;
- c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

2. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

2.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
- b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;
- d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở trường; đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

- a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ,

học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

2.3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

C. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

I. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

Thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục, bao gồm:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư này tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này: - Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;

c) Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại điểm a, b của Điều này trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

2. Thời gian công khai

1. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

-Trưởng ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

-Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai năm học trước và kế hoạch thực hiện công chế công khai năm học tiếp theo cho cơ quan quản lý giáo dục cấp trên chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra .

-Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường -Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 05 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì và tổ chức kiểm tra bằng hình thức sau đây:

-Công khai trong cuộc họp hội đồng CB-GV-NV nhà trường.

-Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho CBGVNV và cha mẹ học sinh, phụ huynh nhân dân theo dõi, xem xét việc thực hiện Quy chế công khai của nhà trường.

Nơi nhận:

- Các thành viên BCD;
- Thông báo HĐSP;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
HIỆU TRƯỞNG**



**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN**

Quỹ Nhắtt, ngày 02 tháng 02 năm 2026

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai
trong nhà trường năm học 2025 – 2026
(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-THCSĐK, ngày 29/01 /2026 của Hiệu trưởng trường
THCS Doắn Khuề)

- Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-THCSDK, ngày 29/01/2026 của Hiệu trưởng trường THCS Doắn Khuề về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 và thông tư 90/2018TT-BTC ngày 28/9/2018;
- Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo như sau:

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Phụ trách
1	Ông: Trần Văn Triển	Trưởng ban	Phụ trách chung
2	Ông: Trần Đại Cát	P. Trưởng ban	1. Thông tin chung về nhà trường
3	Ông: Vũ Văn Ruyện	P. Trưởng ban	1. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông
4	Ông: Lê Trọng Sinh	P. Trưởng ban	1. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông
5	Ông: Trần Văn Nam	P. Trưởng ban	2. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông
6	Ông: Vũ Nam Thắng	P. Trưởng ban	2. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông
7	Bà: Nguyễn Thị Xoan	Thành viên	3 công khai thu, chi tài chính.
8	Bà: Trần Thị Hương Giang	Thành viên	Ghi biên bản niêm yết, Phụ trách chính việc niêm yết công khai theo quy định.
9	Bà: Ngô Thị Lan	Thành viên	Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho các thành viên thuộc tổ KHTN

10	Bà: Lê Thị Điệp	Thành viên	Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho các thành viên thuộc tổ KHXH
11	Bà: Nguyễn Thị Tin	Thành viên	Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho CMHS.

Nơi nhận:

- Các thành viên BCD;
- Thông báo HĐSP;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
HIỆU TRƯỞNG**



**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN**

Quỳ Nhắ, ngày 22 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Công khai các biểu mẫu theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Thực hiện kế hoạch số 04/KH-THCSDK ngày 02/02/2026 của Trường THCS Doãn Khuê về thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 và Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 năm học 2025 – 2026;

Nhằm minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Doãn Khuê thông báo công khai các biểu mẫu báo cáo cụ thể như sau:

- Công khai thông tin chung về nhà trường
- Công khai thông tin về cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông năm học 2025-2026
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026
- Công khai thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung
- Công khai thông tin tổng hợp kết quả tự đánh giá
- Công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Trên đây là Thông báo công khai các biểu mẫu theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của trường THCS Doãn Khuê./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH xã (để B/c);
- Đăng Website của trường;
- Niêm yết tại Bảng tin;
- CB, GV, NV, HS toàn trường (thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
FRẦN VĂN TRIỂN

Quỹ Nhắ, ngày 22 tháng 6 năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS Doãn Khuê.

2. Trụ sở: Xóm Tây Thành, xã Quỳ Nhắ, tỉnh Ninh Bình.

3. Loại hình GD: Giáo dục công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mạng

- Hành động vì sự tiến bộ của mỗi thành viên để kiến tạo ngôi trường thực sự đoàn kết, Xanh – Sạch – Đẹp an toàn, tiến tới xây dựng trường học hạnh phúc.

4.2. Tầm nhìn

- Ngôi trường có chất lượng giáo dục đại trà cao, ổn định trong hệ thống các trường công lập của tỉnh, từ đó tạo đà cho sự phát triển chất lượng mũi nhọn.

- Là một trường được nhân dân và học sinh tin tưởng có khả năng kiến tạo bước tiến mới cho từng thành viên và trở thành mô hình điển hình của ngôi trường yêu thương, đoàn kết, chất lượng ổn định.

4.3. Mục tiêu

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS Doãn Khuê là mái trường có bề dày truyền thống xây dựng và phát triển. Từ những ngày đầu thành lập năm 1967 với biết bao khó khăn, thử thách, các thế hệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường đã không ngừng nỗ lực, đoàn kết, vun đắp nên những giá trị tốt đẹp, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Giai đoạn 1967 – 1971: Những ngày đầu thành lập

Tiền thân của Trường THCS Doãn Khuê là Trường phổ thông cấp II xã Nghĩa Thành, được thành lập ngày 15 tháng 8 năm 1967 theo Quyết định số 229/QĐ-UB của UBND tỉnh Nam Hà. Những ngày đầu thành lập, nhà trường gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ và điều kiện dạy học. Tuy nhiên, với sự quan tâm của chính quyền địa phương và tinh thần vượt khó của thầy và trò, nhà trường từng bước ổn định, đặt nền móng cho quá trình phát triển lâu dài.

Giai đoạn 1972 – 1990: Vượt khó, ổn định và phát triển

Trong những năm tháng đất nước còn nhiều khó khăn, các thế hệ cán bộ, giáo viên nhà trường luôn giữ vững tinh thần trách nhiệm, bám trường, bám lớp, tận tâm với học sinh. Trải qua những lần sáp nhập, chia tách theo yêu cầu phát triển giáo dục, nhà trường vẫn giữ vững nền nếp, kỷ cương và truyền thống hiếu học.

Giai đoạn 1991 – 2025: Đổi mới, nâng cao chất lượng

Nhà trường từng bước được đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học. Chất lượng giáo dục toàn

diện và giáo dục mũi nhọn ngày càng được nâng cao, nhiều thế hệ học sinh trưởng thành, đóng góp cho quê hương và đất nước.

Giai đoạn từ 15/1/2026 đến nay: Dấu mốc sáp nhập và bước phát triển mới

Thực hiện chủ trương sắp xếp mạng lưới trường lớp, ngày 15 tháng 01 năm 2026, UBND xã Quý Nhất ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND về việc sáp nhập Trường THCS Doãn Khuê, Trường THCS Nghĩa Lợi và Trường THCS Quý Nhất. Sau sáp nhập, tên gọi của đơn vị mới là Trường Trung học cơ sở Doãn Khuê; loại hình là đơn vị sự nghiệp công lập, trường THCS hạng II. Trụ sở chính đặt tại xóm Tây Thành, xã Quý Nhất. Nhà trường có tổng số 68 cán bộ, giáo viên, nhân viên đang công tác, gồm 6 cán bộ lãnh đạo, 52 giáo viên và 10 nhân viên. Quy mô giáo dục gồm 1.114 học sinh với 27 lớp.

Sau sáp nhập, tập thể nhà trường nhanh chóng ổn định tổ chức, phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, xây dựng môi trường giáo dục thống nhất và hiệu quả. Trong công tác chuyên môn, học sinh nhà trường đạt nhiều thành tích nổi bật: 09 giải học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh (02 giải Nhì, 05 giải Ba, 02 giải Khuyến khích); 01 giải Khuyến khích học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 8; 02 giải Olympic Tài năng tiếng Anh; 05 giải Khuyến khích học sinh giỏi thể dục thể thao cấp tỉnh; 03 giải IOE cấp tỉnh; 03 giải Đấu trường Toán học VioEdu tỉnh Ninh Bình; 01 giải Nhất cuộc thi “Em yêu biển đảo” cấp tỉnh và được tham gia chung kết miền Bắc.

Theo xếp hạng của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình, Trường THCS Doãn Khuê xếp thứ 44/365 trường nhóm 2 trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THCS cấp tỉnh. Đoàn xã Quý Nhất tham gia thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh đạt thứ hạng 19/64 xã, phường.

Trải qua chặng đường dài xây dựng và trưởng thành, Trường THCS Doãn Khuê luôn giữ gìn những giá trị cốt lõi: Đoàn kết – Trách nhiệm – Sáng tạo – Nhân văn. Đó là nền tảng tạo nên sức mạnh của tập thể, là động lực để mỗi cán bộ, giáo viên và học sinh không ngừng vươn lên.

Dẫu thời gian đã đi qua với nhiều đổi thay, nhưng ngọn lửa nhiệt huyết của các thế hệ thầy cô vẫn luôn được gìn giữ và lan tỏa, trở thành truyền thống quý báu của mái trường.

Trong thời gian tới, Trường THCS Doãn Khuê tiếp tục xây dựng nhà trường phát triển bền vững, lấy chất lượng giáo dục làm trung tâm; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo; đẩy mạnh chuyển đổi số; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nhà trường hướng tới xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, thân thiện, hạnh phúc; tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội; giữ vững và nâng cao các danh hiệu thi đua, xây dựng thương hiệu Trường THCS Doãn Khuê trong giai đoạn mới.

Nhìn lại hành trình phát triển của Trường THCS Doãn Khuê là nhìn lại một chặng đường đầy tự hào với biết bao thế hệ thầy và trò đã cống hiến, vun đắp. Bước vào thời kỳ mới sau sáp nhập, với truyền thống đoàn kết và khát vọng vươn lên, tập thể nhà trường quyết tâm tiếp tục đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, xứng đáng với niềm tin của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Quý Nhất.

6. Thông tin người đại diện

6.1. Hiệu trưởng: Trần Văn Triển - SĐT 0983905899

6.2. Phó hiệu trưởng: Trần Đại Cát - SĐT: 0915566883

6.3. Phó hiệu trưởng: Vũ Văn Ruyện - SĐT: 0917789502

6.4. Phó hiệu trưởng: Lê Trọng Sinh - SĐT: 0943369383

6.5. Phó hiệu trưởng: Trần Văn Nam - SĐT: 0948553031

6.6. Phó hiệu trưởng: Vũ Nam Thắng - SĐT: 0947945506

7. Tổ chức bộ máy:

Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Quỹ
Nhất về việc sáp nhập Trường Trung học cơ sở

HIỆU TRƯỞNG



A handwritten signature in blue ink, written over the stamp and extending to the right.

**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN**

QuỠ Nhắ, ngày 22 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp7	Lớp8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét tuyển	Xét tuyển	Xét tuyển	Xét tuyển
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	GDPT	GDPT	GDPT	GDPT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình HS trong việc giáo dục đạo đức và ý thức học tập của HS.	- Phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình HS trong việc giáo dục đạo đức và ý thức học tập của HS.	- Phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình HS trong việc giáo dục đạo đức và ý thức học tập của HS.	- Phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình HS trong việc giáo dục đạo đức và ý thức học tập của HS.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Cho hs làm quen với môi trường mới, học nội quy, quy chế xếp loại, học lực hạnh kiểm Học sinh được tham gia các hoạt động của đội, của đoàn, tham gia các câu lạc bộ thể thao văn nghệ Sử dụng các sách trên thư viện của nhà	Học nội quy, quy chế xếp loại, học lực hạnh kiểm, Học sinh được tham gia các hoạt động của đội, của đoàn, tham gia các câu lạc bộ thể thao văn nghệ Sử dụng các sách trên thư viện của nhà trường	Học nội quy, quy chế xếp loại, học lực hạnh kiểm Học sinh được tham gia các hoạt động của đội, của đoàn, tham gia các câu lạc bộ thể thao văn nghệ Sử dụng các sách trên thư viện của nhà trường và tủ	Học nội quy, quy chế xếp loại, học lực hạnh kiểm Học sinh được tham gia các hoạt động của đội, của đoàn, tham gia các câu lạc bộ thể thao văn nghệ Sử dụng các sách trên thư viện của nhà trường và tủ sách lớp học.

		trường và tỉ sách lớp học	và tỉ sách lớp học	sách lớp học	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh mức Tốt: 70-80% trở lên, mức Khá: 18- 20% trở lên, mức Đạt: dưới 2% , mức Chưa đạt: 0%. 100% hs đủ sức khỏe để học tập.	- Học sinh mức Tốt: 70-80% trở lên, mức Khá: 18- 20% trở lên, mức Đạt: dưới 2% , mức Chưa đạt: 0%. 100% hs đủ sức khỏe để học tập.	- Học sinh mức Tốt: 70-80% trở lên, mức Khá: 18- 20% trở lên, mức Đạt: dưới 2% , mức Chưa đạt: 0%. 100% hs đủ sức khỏe để học tập.	- Học sinh mức Tốt: 70-80% trở lên, mức Khá: 18- 20% trở lên, mức Đạt: dưới 2% , mức Chưa đạt: 0%. 100% hs đủ sức khỏe để học tập.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% hs học lên các lớp trên của bậc trung học cơ sở	100% hs học lên các lớp trên của bậc trung học cơ sở	100% hs học lên các lớp trên của bậc trung học cơ sở	85% hs học lên phổ thông trung học, 15% học nghề

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
FRÂN VĂN TRIỂN

Quỹ Nhắ, ngày 22 tháng 6 năm 2026

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1114	309	278	271	256
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	989 (88,8%)	274 (88,7%)	241 (86,7 %)	232 (85,6%)	242 (94,5%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	108 (9,69%)	28 (9,06%)	35 (12,6%)	33 (12,2%)	12 (4,69%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	16 (1,44%)	7 (2,27%)	2 (0,72%)	5 (1,85%)	2 (0,78%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	1114	309	278	271	256
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	225 (20,2%)	68 (22%)	58 (20,9%)	58 (21,4%)	41 (16%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	467 (41,9%)	127 (41,1%)	110 (39,6%)	106 (39,1%)	124 (48,4%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	414 (37,2%)	113 (36,6%)	109 (39,2%)	101 (37,3%)	91 (35,6%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0,63%)	1 (0,32%)	1 (0,36%)	5 (1,85%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1114	309	278	271	256
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1106 (99,28%)	308 (99,7%)	277 (99,6%)	265 (98,2%)	256 (100%)
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	38 (3,41%)	14 (4,53%)	11 (3,96%)	9 (3,32%)	4 (1,56%)
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	186 (16,7%)	53 (17,2%)	47 (16,9%)	49 (18,1%)	37 (14,5%)

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0,63%)	1 (0,32%)	1 (0,36%)	5 (1,85%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp xã	10	0	1	4	5
2	Cấp tỉnh/thành phố	12	0	0	3	9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	256				256
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	256				256
1	HTCT THCS (tỷ lệ so với tổng số)	256 (100%)				256 (100%)
2	Không HTCT THCS (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)				0 (0%)
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	562/552	169/140	133/145	139/132	121/135
	Số học sinh dân tộc thiểu số	6	1	0	0	5

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN

QuỠ Nhắ, ngày 22 tháng 6 năm 2026

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025- 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	1,6m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	0,9m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	15	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	27/27	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41,26	-
III	Số điểm trường	3	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	18000	16,2m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	9000	8,1m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1971	2,0 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	1215	1,1 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	675	0,6 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	

5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	27	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	0	0 bộ/27lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	0/27
1.1	Khối lớp 6	0	0
1.2	Khối lớp 7	0	0
1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9	0	0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	12	
2.1	Khối lớp 6	3	
2.2	Khối lớp 7	3	
2.3	Khối lớp 8	3	
2.4	Khối lớp 9	3	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1114 m ²	1 m ² /học sinh
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35	35/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	27	
2	Cát xét, máy nghe tiếng Anh	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Điều hòa	0	
6	Máy in	12	

X	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	27	27/27
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
XI	Nhà bếp	0
XII	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIV	Khu nội trú	0		

XV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XVI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVIII	Kết nối internet	X	
XIX	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XX	Tường rào xây	X	

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN

Quỹ Nhắ, ngày 22 tháng 6 năm 2026

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1				X
Tiêu chí 1.2				X
Tiêu chí 1.3				X
Tiêu chí 1.4				X
Tiêu chí 1.5				X
Tiêu chí 1.6				X
Tiêu chí 1.7				X
Tiêu chí 1.8				X
Tiêu chí 1.9				X
Tiêu chí 1.10				X
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				X
Tiêu chí 2.2				X
Tiêu chí 2.3				X
Tiêu chí 2.4				X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1				X
Tiêu chí 3.2				X
Tiêu chí 3.3			X	-
Tiêu chí 3.4			X	-
Tiêu chí 3.5				X
Tiêu chí 3.6				X

Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				X
Tiêu chí 4.2				X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				X
Tiêu chí 5.2				X
Tiêu chí 5.3			X	-
Tiêu chí 5.4			X	-
Tiêu chí 5.5				X
Tiêu chí 5.6				X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		X	
Khoản 2, Điều 22		X	
Khoản 3, Điều 22		X	
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22		X	
Khoản 6, Điều 22		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

HIỆU TRƯỞNG



**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN**

UBND XÃ QUỶ NHẤT
TRƯỜNG THCS DOÃN KHUÊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quỹ Nhất, ngày 22 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

[illegible]

1	Hiệu trưởng	1			1				1			1		
2	Phó hiệu trưởng	5		1	4				5		1	4		
III	Nhân viên													
1	Nhân viên văn thư	2				2								
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	3				2	1							
5	Nhân viên thư viện	3				3								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN TRIỂN